

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07 /2021/ HSST
Ngày 17/03/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Quán Vi Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Đào

Ông Lê Minh Tường

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Linh – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2021/TLST – HS ngày 14 tháng 01 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09 /2020/QĐST–HS ngày 03 tháng 03 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Văn L**, tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 21/3/2002 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12 ; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn C, con bà: Vi Thị X; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 28/7/2020, bị TAND huyện Quỳnh Hợp xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 14 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đến nay chưa chấp hành xong bản án. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Hợp từ ngày 03/11/2020 đến nay.

(Có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Vi Văn L:** Ông **Nguyễn Thái Q** – Trợ giúp viên pháp lý – Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số H– Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An.

(Có mặt).

- **Bị hại:** Chị Y S, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum.

(Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bị hại: anh **Vy Quang T1**, sinh 2001.
Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
(Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Anh **Nguyễn Trí N**, sinh 1974
Địa chỉ: Xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Anh **Cao Bá T**, sinh năm 2001.
Nơi cư trú: Khối S, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 21/10/2020, tại quán Internet P Game ở xóm Đ, xã C, huyện Q, Vi Văn L lợi dụng lòng tin của anh Vy Quang T, đã thực hiện hành vi lừa mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 82B1-645.98, của chị Y S do anh T quản lý để đưa đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐĐG ngày 09/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Quỳnh Hợp xác định: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ đen, BKS 82B1-645.98, xe đã qua sử dụng (đăng ký năm 2018) có giá trị là 18.000.000 (Mười tám triệu đồng).

Ngày 03/11/2020, Vi Văn L đã đến Công an xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp đầu thú.

Bản cáo trạng số 10/VKS – HS ngày 13/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp truy tố bị cáo Vi Văn L về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vi Văn L đã khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 21/10/2020, Vy Quang T1 cùng Vi Văn L; Cao Bá T; Vi Văn T ngồi chơi tại Ngã ba xóm Đ, xã C, huyện Q. Sau đó cả bốn người rủ nhau vào quán Internet “P Game” thuộc xóm Đ, xã C, huyện Q chơi. Lúc này, Vi Văn L điều khiển xe mô tô của T chở T và T vào quán game trước, rồi quay lại đón Tân. Trên đường đi L nảy sinh ý định lừa mượn xe mô tô của T để đưa đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. L nói với T lát nữa đi cùng mình xuống dưới thị trấn Q có chút việc thì T đồng ý. Khi quay lại quán game, L và T gặp T1 và T2 đứng tại sân quán, lúc đó L nói với T1 cho mình mượn xe xuống thị trấn có chút việc thì T1 đồng ý. L điều khiển xe mô tô chở T đến nhà anh Phạm Văn T, sinh năm 1969, trú tại khối M, thị trấn Q, huyện Q. Đến nơi, T đứng ở ngoài cửa còn L đi vào nhà T cầm cố chiếc xe

mô tô của T để lấy số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó, L và T quay lại quán game, do không thấy chiếc xe mô tô của mình đâu nên T hỏi thì L nói đã cầm cố chiếc xe này rồi và hứa hẹn sáng mai sẽ đi chuộc xe về trả cho T1. Tiếp đó, cả bốn người tiếp tục chơi game tại quán của anh P. Đến sáng ngày 22/10/2020, L và T ra về trước nhưng L không đi chuộc chiếc xe mô tô về cho T1 mà đi về nhà. Số tiền cầm cố chiếc xe mô tô, Vi Văn L đã chi tiêu cá nhân hết và cho Cao Bá T số tiền 400.000 đồng. Đến sáng ngày 25/10/2020, Vi Văn L nảy sinh ý định đưa chiếc xe mô tô của T1 đi cầm cố nơi khác được nhiều tiền hơn. L gọi điện thoại cho Lò Văn C, sinh năm 2000, trú tại Bản X, xã C, huyện Q (là bạn của L) nhờ đưa chiếc xe mô tô của C đến cầm cố tại nhà anh Phạm Văn T, thay thế chiếc xe mô tô của T1 thì C đồng ý. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, C điều khiển chiếc xe mô tô của mình chở L đến nhà Phạm Văn T. Tại đây, L có nói với anh T về việc đưa chiếc xe mô tô của C thay thế vào để lấy chiếc xe của T ra thì anh T đồng ý. Sau đó, L điều khiển chiếc xe mô tô của T1 chở C đến cửa hàng Nhung N của anh Nguyễn Trí N cầm cố chiếc xe mô tô lấy số tiền 4.500.000 đồng. Số tiền cầm cố xe, L đưa đến trả cho anh Phạm Văn T 2.160.000 đồng để lấy xe của C ra, số tiền còn lại L chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Vi Văn L nhất trí với truy tố của VKSND huyện Quỳnh Hợp truy tố bị cáo về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Văn L từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” tại bản án số 46/2020/HSST ngày 28/7/2020 của TAND huyện Quỳnh Hợp. Buộc bị cáo Vi Văn L chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 22 tháng đến 25 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Y S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị miễn xét.

Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Trí N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 584, 585, 589 bộ luật dân sự buộc bị cáo Vi Văn L bồi thường số tiền 4.500.000 đồng cho anh Nguyễn Trí N.

Về vật chứng vụ án: Số tiền 400.0000 đồng do anh Cao Bá T giao nộp, được bảo quản tại tài khoản tạm gửi của Kho bạc Nhà nước huyện Quỳnh Hợp là tiền do phạm tội mà có nên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước;

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Bị cáo Vi Văn L nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết việc làm của mình là sai trái mong Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa các bị cáo Vi Văn L thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng. Lời khai nhận của bị cáo Vi Văn L tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 22 giờ ngày 21/10/2020, tại quán Internet P Game ở xóm Đ, xã C, huyện Q, Vi Văn L có ý định muốn có tiền tiêu xài nên nói dối anh Vy Quang T1 mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 82B1-645.98, có giá trị là 18.000.000 đồng của chị Y S do anh T1 đang quản lý để đưa đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, hành vi trên của Vi Văn L đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo Vi Văn L là rất nguy hiểm, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản của những người bị hại. Vụ án xảy ra gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội trên địa bàn. Gây tâm lý lo lắng hoang mang trong quần chúng nhân dân nên cần lên cho bị cáo mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Đặc biệt, Vi Văn L đã có tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng tình tiết tăng nặng là “ tái phạm”. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt vì: bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đầu thú. Cần áp dụng tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vi Văn L.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng ”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo đang bị tạm giam, trước khi phạm tội bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Y S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không phải xem xét thêm.

Đối với anh Nguyễn Trí N khi cầm cổ xe máy không biết là tài sản do Vi Văn L phạm tội mà có, nay xe máy đã bị thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu. Anh Nguyễn Trí N yêu cầu bị cáo hoàn trả lại tiền cầm cổ nên cần chấp nhận buộc Vi Văn L hoàn trả cho anh Nguyễn Trí N số tiền 4.500.000 đồng.

[6] Về vật chứng vụ án: Số tiền 400.0000 đồng anh Cao Bá T giao nộp là tiền của Vi Văn L nên cần trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo Vi Văn L chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vi Văn L phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 ; Khoản 5 Điều 60; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn L **01(một)** năm **03 (ba)** tháng tù;

Tổng hợp với hình phạt **07 (bảy)** tháng tù cho hưởng án treo về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” tại bản án số 46/2020/HSST ngày 28/7/2020 của TAND huyện Quỳnh Hợp. Buộc bị cáo Vi Văn L chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **01 (một)** năm **10 (mười)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 03/11/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 127, 131 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Vi Văn L hoàn trả cho anh Nguyễn Trí N số tiền 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Vi Văn L số tiền 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng thu giữ của Cao Bá T(hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.9042237.00000 của Công an huyện Quỳnh Hợp tại kho bạc Nhà nước Quỳnh Hợp).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật TT hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Bị cáo Vi Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng; án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ thời điểm người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, vắng mặt đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/3/2021. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An,
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An,
- VKS ND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh hợp,
- Cơ quan điều tra CA huyện Quỳnh hợp,
- TH A DS huyện Quỳnh hợp,
- Bị cáo;
- Bị hại ;
- lưu

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Quán Vi Tuấn